TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2019
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thanh Hoa.

2. Bà Nguyễn Thị Diền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2019 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 05/2019/TB-TA ngày 16/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **D**, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **G**, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng N**; địa chỉ: Số 2, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện là Chi nhánh T; địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền là ông V - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh.

Các đương sự có mặt đủ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2019 nguyên đơn chị D trình bày:* Chị D kết hôn với anh G năm 2002, đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã

B. Anh chị sống đầm ấm, hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G không lo làm ăn mà ham đi chơi, ăn nhậu, không quan tâm đến gia đình; chị D khuyên anh cố gắng làm ăn tích lũy để lo cho con ăn học nhưng anh D không nghe, do đó chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Nay chị yêu cầu được ly hôn.

Hiện nay anh chị có 02 người con chung là N, sinh năm 2003, đang ở với anh G và M, sinh năm 2010, đang ở với chị D. Chị yêu cầu được nuôi M, giao N cho anh G nuôi. Không yêu cầu cấp dưỡng.

Ngoài ra, đơn khởi kiện chị D còn yêu cầu chia tài sản là diện tích đất 20.000 m^2 và yêu cầu anh G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 80.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D trình bày: Chị D đã rút yêu cầu chia tài sản; chỉ yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu cấp dưỡng. Nợ Ngân hàng 140.000.000 đồng nhưng trước đây anh G nói vay 80.000.000 đồng nên tưởng chỉ có 80.000.000 đồng. Chị để tài sản lại cho anh G nên anh G có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng khi đến hạn.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh G trình bày:* Về việc đăng ký kết hôn đúng như chị D trình bày. Việc chị D nói anh ăn chơi từ năm 2006 đến nay là không đúng, vì thời gian trước đây anh công tác ở ấp nên không có ăn chơi gì, sau khi nghỉ việc anh mới đi chơi từ năm 2016. Anh không muốn ly hôn, anh có nguyện vọng vợ chồng tiếp tục chung sống để lo cho các con. Nếu phải ly hôn thì con theo ai người đó nuôi, theo anh thì anh nuôi, anh không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu chị D nuôi cháu M thì anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng cho cháu M mỗi tháng 1.200.000 đồng kể từ ngày 01/11/2019 cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Đây là số tiền cấp dưỡng hàng tháng, nếu anh có thu nhập thêm thì sẽ cho cháu M nhiều hơn.

Anh G có vay của Ngân hàng 140.000.000 đồng, khi đến hạn anh sẽ tự chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng, không yêu cầu chị D cùng trả nợ.

* *Đại diện của Ngân hàng là ông V trình bày:* Anh G và chị D vay của Ngân hàng số tiền 140.000.000 đồng, năm 2020 mới đến hạn trả nợ; anh chị ly hôn không phân chia tài sản nên Ngân hàng không yêu cầu gì trong vụ án này. Khi đến hạn thanh toán nợ nếu có tranh chấp Ngân hàng sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

* *Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D; ghi nhận sự tự nguyện của anh chị về việc giao cháu N cho anh G, giao cháu M cho chị D nuôi dưỡng. Chị D rút yêu cầu chia tài sản nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu đã rút. Ngân hàng không yêu cầu gì trong vụ án này nên đề nghị không xem xét. Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của anh G cấp dưỡng cho cháu M mỗi tháng 1.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị D có yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị D yêu cầu được ly hôn với anh G và yêu cầu được nuôi con là cháu M, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị D và anh G là *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2002 anh chị cưới nhau, đến năm 2005 đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị D và anh G xảy ra mâu thuẫn, theo chị D trình bày là do anh G không lo làm, mà ham chơi, ăn nhậu, không quan tâm gia đình. Anh G cũng thừa nhận việc anh có ăn chơi, ít quan tâm gia đình, nhưng chỉ mới xảy ra thời gian gần đây. Anh không muốn ly hôn vì các con còn nhỏ, anh muốn được hàn gắn để vợ chồng cùng lo cho các con, nếu như không có các con thì anh sẽ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Qua xác minh và anh G cũng thừa nhận việc anh ăn chơi, ít quan tâm gia đình. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh G đã kéo dài, cuộc sống không hạnh phúc; hiện nay anh chị không sống chung với nhau nữa; mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh G.

[3] Về con chung: Chị D và anh G có hai người con chung là N, sinh ngày 17/10/2003, giới tính nam, hiện nay đang sống cùng anh G và M, sinh ngày 20/3/2010, hiện nay đang sống chung với chị D. Anh chị thỏa thuận giao cháu N cho anh G nuôi theo nguyện vọng của cháu N, giao cháu M cho chị D nuôi theo nguyện vọng của cháu M. Xét thấy anh chị có đủ điều kiện nuôi con và thỏa thuận theo nguyện vọng của cháu N và cháu Muyên. Việc thỏa thuận của anh chị là phù hợp đạo đức xã hội và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận đó.

[4] Về cấp dưỡng khi ly hôn: Theo đơn khởi kiện chị D không yêu cầu cấp dưỡng, nhưng tại phiên tòa anh G tự nguyện cấp dưỡng cho cháu M mỗi tháng 1.200.000 đồng, kể từ ngày 01/11/2019 cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh G.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị D rút yêu cầu về phân chia tài sản, anh G không có yêu cầu phản tố nên đình chỉ giải quyết về tài sản.

Anh G và chị D có nợ Ngân hàng 140.000.000 đồng, hiện tại anh chị không phân chia tài sản và thỏa thuận giao nợ cho anh G có trách nhiệm trả khi đến hạn. Ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập và thống nhất khi đến hạn thanh toán nợ nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Trường hợp có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị D chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006128 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Chị D rút yêu cầu về phân chia tài sản nên áp dụng Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hoàn trả cho chị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.510.000 đồng (Chín triệu năm trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006129 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nhưng anh G tự nguyện cấp dưỡng cho cháu M nên anh G không phải chịu án phí về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, 217, 218, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D đối với anh G. Chị D được ly hôn với anh G.

2- Về con chung: Giao N cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Giao M cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp một trong hai bên vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con thì bên còn lại có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh G cấp dưỡng cho cháu M mỗi tháng 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng), kể từ ngày 01/11/2019 cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Anh G giao tiền vào ngày 01 hàng tháng.

4- Án phí sơ thẩm: Chị D chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006128 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Chị D được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.510.000 đồng (Chín triệu năm trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006129 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận